

Số: 02/2018/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2018

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc điều chỉnh, bổ sung một số định mức phân bổ chi ngân sách của thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020 tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách; tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 6**

*(Từ ngày 04/7/2018 đến ngày 06/7/2018)*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 186/QĐ-TTg ngày 10/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị;*

*Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;*

*Xét Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 11/6/2018 của UBND Thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung một số định mức phân bổ chi ngân sách của thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố và kết quả biểu quyết của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung một số định mức phân bổ chi ngân sách quy định tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách; tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố giai đoạn 2017-2020:

1. Điều chỉnh tăng một số định mức phân bổ ngân sách của thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020 đã quy định tại điểm 1 Mục I, điểm 1 và điểm 13 Mục II, điểm 1 mục III thuộc Phần B của Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND (*Quy định cụ thể tại Phụ lục kèm theo*).

2. Bổ sung định mức chi ngân sách chi thường xuyên đối với giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề phổ thông đã quy định tại điểm 2 Mục II Phần B của Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND:

- Đối với giáo dục thường xuyên (bao gồm: Học viên xóa mù chữ và phổ cập tiểu học; học viên chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở; học viên chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông) là: 3.520.000 đồng/học viên/năm.

- Đối với giáo dục nghề phổ thông (bao gồm: Học sinh học nghề phổ thông cấp trung học cơ sở; học sinh học nghề phổ thông cấp trung học phổ thông) là: 790.000 đồng/học sinh/năm.

- Định mức chi ngân sách thường xuyên đối với giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề phổ thông là căn cứ xây dựng phương án tự chủ của các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP giai đoạn 2018-2020 và kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trong thời gian Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đối với các dịch vụ sự nghiệp công, gồm: Chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ; Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông; Dịch vụ giáo dục phổ thông (*bao gồm giáo dục nghề phổ thông*).

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Tổ chức thực hiện quy định tại Nghị quyết này.
2. Rà soát, điều chỉnh các quy định của Thành phố chưa phù hợp với Nghị quyết này.

3. Tập hợp các vấn đề phát sinh cần điều chỉnh trong quá trình thực hiện, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xử lý và báo cáo với Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành:**

1. Nghị quyết này thay thế các nội dung tương ứng tại điểm 1 Mục I, điểm 1 và điểm 13 Mục II, điểm 1 mục III thuộc Phần B của Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016 của HĐND Thành phố. Các nội dung khác không được đề cập vẫn giữ nguyên giá trị thi hành.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện định mức chi ngân sách chi thường xuyên đối với giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề phổ thông, trường hợp Chính phủ ban hành nghị định quy định cơ chế tự chủ đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thông tư hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công; các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên sẽ xây dựng lại phương án tự chủ theo đúng quy định của Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố; các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố; các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân Thành phố.

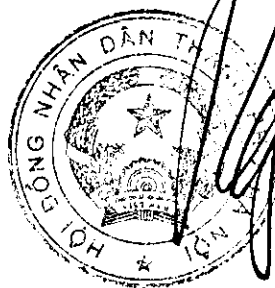
4. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XV, kỳ họp thứ 06 thông qua ngày 05/7/2018, có hiệu lực từ ngày 01/8/2018 và được áp dụng cho xây dựng dự toán ngân sách từ năm 2019. Riêng định mức đối với giáo dục nghề phổ thông cấp trung học phổ thông áp dụng từ năm học 2018-2019./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, Giáo dục & Đào tạo;
- Kiểm toán Nhà nước; Kiểm toán NN Khu vực I;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQTP;
- Các vị Đại biểu HĐND Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy và các Ban của Thành ủy;
- VP HĐNDTP, VP UBNDTP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công GTĐT TP; Công báo Thành phố;
- Lưu: VT

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Bích Ngọc**

**PHỤ LỤC**  
**ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI**  
**NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2017-2020**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND Thành phố)*

**1. Điều chỉnh định mức phân bổ chi khác ngân sách quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể cấp Thành phố.**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
<b>I</b>	<b>Cơ quan hành chính</b>		
<b>1</b>	<b>Đơn vị dự toán cấp 1</b>		
	Biên chế dưới 100	Đồng/biên chế /năm	67.000.000
	Từ biên chế thứ 100 đến dưới 200	Đồng/biên chế /năm	66.000.000
	Từ biên chế thứ 200 trở lên	Đồng/biên chế /năm	65.000.000
<b>2</b>	<b>Đơn vị dự toán cấp 2</b>		
	Biên chế dưới 100	Đồng/biên chế /năm	64.000.000
	Từ biên chế thứ 100 đến dưới 200	Đồng/biên chế /năm	63.000.000
	Từ biên chế thứ 200 trở lên	Đồng/biên chế /năm	62.000.000
<b>II</b>	<b>Các tổ chức chính trị - xã hội</b>		
1	Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố	Đồng/biên chế /năm	79.000.000
2	Hội Cựu Chiến Binh Thành phố	Đồng/biên chế /năm	79.000.000
3	Hội Nông dân Thành phố	Đồng/biên chế /năm	79.000.000
4	Đoàn thanh niên cộng sản HCM thành phố Hà Nội	Đồng/biên chế /năm	79.000.000
<b>III</b>	<b>Cơ quan điều hành chung</b>		
1	Các cơ quan thuộc Thành ủy	Đồng/biên chế /năm	85.000.000
2	Văn phòng UBND Thành phố	Đồng/biên chế /năm	85.000.000
3	Văn phòng HĐND Thành phố	Đồng/biên chế /năm	85.000.000
4	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	Đồng/biên chế /năm	85.000.000

**2. Điều chỉnh định mức phân bổ chi khác ngân sách quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể cấp quận, huyện, thị xã.**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Định mức</b>
<b>I</b>	<b>Cơ quan hành chính</b>		
	Cơ quan hành chính thuộc quận, huyện, thị xã.	Đồng/biên chế /năm	62.000.000
<b>II</b>	<b>Các tổ chức chính trị - xã hội quận, huyện, thị xã</b>		
1	Hội Liên hiệp phụ nữ	Đồng/biên chế /năm	72.000.000
2	Hội Cựu Chiến binh	Đồng/biên chế /năm	72.000.000
3	Hội Nông dân	Đồng/biên chế /năm	72.000.000
4	Đoàn thanh niên cộng sản HCM	Đồng/biên chế /năm	72.000.000
<b>III</b>	<b>Các cơ quan điều hành chung</b>		
1	Các cơ quan Đảng thuộc quận, huyện, thị ủy	Đồng/biên chế /năm	77.000.000
2	Văn phòng UBND quận, huyện, thị xã	Đồng/biên chế /năm	77.000.000
3	Văn phòng HĐND quận, huyện, thị xã	Đồng/biên chế /năm	77.000.000
4	Ủy ban MTTQ quận, huyện, thị xã	Đồng/biên chế /năm	77.000.000

**3. Điều chỉnh định mức phân bổ chi khác đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên cấp quận, huyện, thị xã là 57.000.000 đồng.**

**4. Điều chỉnh định mức khoán chi hoạt động cấp xã.**

Định mức khoán chi hoạt động đối với cán bộ, công chức cấp xã là 52.000.000 đồng/biên chế/năm.